TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-PT
Ngày:06-01-2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng hụi, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn

Ông Trần Hữu Tính

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2024 đến 06/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 626/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu T** – sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim P** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 006522 quyển số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2024);

* *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh P1** – sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 123 quyển số 01/2024 – SCT/CK, CĐ ngày 29/9/2024);

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thanh P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết, nên ông Phạm Thanh P1 có tham gia 02 dây hụi do bà Trần Thị Thu T làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: hụi tháng loại 3.000.000 đồng, khui đầu ngày 15/5/2023 âm lịch, giao hụi ngày 20 âm lịch, dây hụi có 26 phần, ông P1 tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 20/6/2025 âm lịch, ông P1 hốt hụi ở kỳ khui đầu tiên giao hụi ngày 20/5/2023 âm lịch được 55.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, còn lại 53.500.000 đồng ông P1 đã nhận đủ. Sau khi hốt hụi ông P1 đóng hụi chết đến được 09 kỳ, đến kỳ ngày 20/3/2024 âm lịch thì ngưng, còn lại 16 kỳ hụi chết, bà phải đóng choàng cho ông P1 03 kỳ hụi chết (từ 20/3/2023 đến 20/5/2023 âm lịch) với số tiền là 9.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi tháng loại 10.000.000 đồng, khui đầu ngày 30/9/2022 âm lịch, giao hụi ngày mùng 05 âm lịch, dây hụi có 26 phần, ông P1 tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 05/10/2024 âm lịch, ông P1 hốt hụi ở kỳ khui thứ hai giao hụi ngày 05/11/2023 âm lịch được 187.600.000 đồng, trừ hoa hồng 7.000.000 đồng, còn lại 180.600.000 đồng ông P1 đã nhận đủ. Sau khi hốt hụi ông P1 đóng hụi chết đến được 16 kỳ, đến kỳ ngày 05/3/2024 âm lịch thì ngưng đến nay, còn lại 08 kỳ hụi chết, bà phải đóng choàng cho ông P1 03 kỳ hụi chết (từ 05/3/2024 đến 05/5/2024 âm lịch) với số tiền là 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi cả hai dây ông P1 phải đóng đến khi hụi mãn là 128.000.000 đồng, số tiền bà đã đóng choàng cho ông P1 là 39.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu

ông P1 trả số tiền đã đóng choàng là 39.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền hụi còn lại yêu cầu trả hàng tháng theo kỳ khui hụi, thống nhất trả 02 dây hụi vào ngày 20 âm lịch hàng tháng.

Ngoài ra, ông P1 có vay của bà số tiền 1.400.000.000 đồng, khi vay ông P1 có viết giấy biên nhận vào ngày 25/02/2024 hẹn khi bán được nhà sẽ trả, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, nhưng đến nay ông P1 chưa đóng được tháng lãi nào cũng chưa trả vốn gốc. Nay bà yêu cầu ông P1 trả số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 25/02/2024 đến ngày Tòa xét xử, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Phạm Thanh P1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều, Điều 92, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T.

1. Buộc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền nợ hụi, nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 1.559.340.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận việc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền nợ (hụi chết chưa mãn) 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian thực hiện là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Thu T 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông P1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2024 và Quyết định số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/9/2024 bị đơn Phạm Thanh P1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Ông Trần Văn L đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Từ khi dịch bệnh xảy ra công việc làm ăn của ông P1 gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho bà T một lần nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi hết khoản nợ 1,4 tỷ. Yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì hiện nay ông P1 đã bán nhà và đất cho ông Phạm Hồng T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở vì tại phiên tòa sơ thẩm phía ông P1 cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền vay 1.400.000.000 đồng và tiền hụi 128.000.000 đồng nay ông P1 xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi hết nợ là không phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho ông P1 trả dần nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P1. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P1, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh P1 thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh P1, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay, hợp đồng góp hụi giữa bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Thanh P1, thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2024 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Ông P1 thừa nhận có nợ của bà T số tiền 1.400.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 25/02/2024, nên có cơ sở xác định ông P1 còn nợ bà Trần Thị Thu T tiền 1.400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn Phạm Thanh P1 cũng thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi do bà Trần Thị Thu T làm chủ thảo, sau khi hốt hụi thì ông P1 đóng hụi chết đến tháng 3/2024 thì ngưng cho đến nay. Dây hụi loại 3.000.000 đồng bà T đóng choàng 6 kỳ, còn lại 10 kỳ nữa mãn là 30.000.000 đồng; dây hụi loại 10.000.000 đồng bà T đóng choàng 6 kỳ là 60.000.000 đồng, còn lại 02 kỳ nữa mãn hụi 20.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hụi ông P1 còn nợ bà T là 128.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên buộc ông P1 trả số tiền nợ hụi là có căn cứ.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông P1 xin trả dần số tiền vốn vay và tiền nợ hụi là không có cơ sở vì yêu cầu xin trả dần của ông P1 nhằm kéo dài thời gian trả nợ, chiếm dụng đồng vốn của bà T làm ảnh hưởng quyền lợi của bà T. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần của ông P1 không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P1.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2024 và Quyết định số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

Xét thấy: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ông P1 không khiếu nại nên Quyết định số 05/2024/QĐ-BPKCTT và Quyết định số 07/2024/QĐ-BPKCTT đã có hiệu lực pháp lực. Nếu ông P1 có căn cứ hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông thì có quyền yêu cầu hủy Quyết định áp dụng

biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, ông P1 kháng cáo yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông P1 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thanh P1. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều, Điều 92, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T.

Buộc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền nợ hụi, nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 1.559.340.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền nợ (hụi chết chưa mãn) 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian thực hiện là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông P1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Thanh P1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Thu T 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2024 và Quyết định số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

[4]. Về án phí: Ông Phạm Thanh P1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001873 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Ông Phạm Thanh P1 phải chịu 60.280.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thu T không phải chịu án phí nên được hoàn lại 28.946.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001699 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút ngày 06 tháng 01 năm 2025 có mặt chị P, đại diện Viện kiểm sát, vắng mặt bị đơn./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy